TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-8- 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Quàng Văn Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mùa Thị Máy và bà Hoàng Thị Ngân.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Viên là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà : Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mùi Thị T; Nơi cư trú: Bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt có lý do, xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đinh Văn L; Nơi cư trú: Bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt có lý do, xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2022, bản tự khai nguyên đơn là chị Mùi Thị T trình bày: Chị và anh Đinh Văn L có tìm hiểu và đi đến kết hôn ngày 09/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh Đinh Văn L có quan hệ bất chính với người khác, không quan tâm chăm sóc gia đình, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể hòa hợp, trong cuộc sống thường xuyên sảy ra cãi vã; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có một con chung là cháu Đinh Thái S, sinh ngày 21/3/2015, cháu hiện đang ở với bố và ông bà nội tại bản S, xã C. Do bận đi làm ăn xa chị T có nguyện vọng giao cháu cho anh Đinh Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Do điều kiện hoàn cảnh đi làm ăn xa, không xin công ty nghỉ được chị T không thể về để giải quyết việc Ly hôn, do đó chị Mùi Thị T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Đinh Văn L trình bày: Anh và chị Mùi Thị T tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh L và chị T đi làm ăn xa, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến nay, anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có một con chung là cháu Đinh Thái S, sinh ngày 21/3/2015. Anh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Nhất trí chị Mùi Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đinh Thái S trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Do điều kiện, hoàn cảnh đi làm ăn xa, việc đi lại khó khăn, phức tạp, anh L không thể về để giải quyết việc Ly hôn, do đó anh Đinh Văn L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 28/6/2022 cháu Đinh Thái S có nguyện vọng được ở với bố là anh Đinh Văn L.

Do các bên đương sự có đơn yêu cầu không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án không tiến hành mở piên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo

đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt có lý do điều kiện, hoàn cảnh đi làm ăn xa, việc đi lại khó khăn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung thực hiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mùi Thị T, yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn L; giao cháu Đinh Thái S, sinh ngày 21/3/2015 cho anh Đinh Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Mùi Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đinh Thái S mỗi tháng là 1.000.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu, đề nghị của các đương sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" do nguyên đơn chị Mùi Thị T khởi kiện đối với bị đơn anh Đinh Văn L có nơi cư trú bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mùi Thị T và bị đơn anh Đinh Văn L đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng hai bên đương sự đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng có lý do, nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và quyết định xét xử vắng mặt chị Mùi Thị T, anh Đinh Văn L theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Mùi Thị T và anh Đinh Văn L có có tìm hiểu và đi đến kết hôn ngày 09/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể hòa hợp, trong cuộc sống thường xuyên sảy ra cãi vã; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay, chị T và anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên

yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Nhận thấy, từ năm 2020 đến nay chị T, anh L không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh L cũng xác định không còn tình cảm với chị T và xin được ly hôn với chị T. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và anh L.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có một con chung là cháu Đinh Thái S, sinh ngày 21/3/2015, hiện nay cháu đang ở với với bố và ông bà nội tại bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La, anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Bản thân chị T cũng có nguyện vọng giao cháu Đinh Thái S cho anh Đinh Văn L trực tiếp nuôi dưỡng và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện tại cháu Đinh Thái S có nguyện vọng mong muốn ở với bố, nên cần xem xét, tôn trọng ý kiến của cháu. Do đó, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của cháu Đinh Thái S, cần giao cháu Đinh Thái S cho anh Đinh Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị Mùi Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị Mùi Thị T và anh Đinh Văn L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án.

[6] Về vay nợ chung: Chị Mùi Thị T và anh Đinh Văn L xác định không có nợ chung, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì chị Mùi Thị T sinh sống tại bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mùi Thị T được ly hôn với anh Đinh Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thái S, sinh ngày 21/3/2015 cho anh Đinh Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Mùi Thị T có trách nhiêm phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn án phí cho các đương sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định chung của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Quàng Văn Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.